

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình: Cử nhân Giáo dục Tiểu học

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Giáo dục Tiểu học

Loại hình đào tạo: Chính quy

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 653/QĐ-ĐHTĐHN ngày 18/6/2019 của
Hiệu trưởng trường Đại học Thủ đô Hà Nội)*

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Sinh viên tốt nghiệp ngành Giáo dục Tiểu học trình độ Đại học theo định hướng ứng dụng nghề nghiệp phải:

- Có những phẩm chất cơ bản của người giáo viên nhà trường xã hội chủ nghĩa Việt Nam: thấm nhuần thế giới quan Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu học sinh, yêu nghề, có ý thức trách nhiệm xã hội, đạo đức, tác phong người thầy giáo.

- Có năng lực chuyên môn và nghiệp vụ đảm bảo được những yêu cầu đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy và học, kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục/dạy học Tiểu học, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục Tiểu học về quy mô, chất lượng, hiệu quả, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Có năng lực thực hiện công tác chủ nhiệm, tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, xây dựng môi trường giáo dục, phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

- Có năng lực thích ứng với các môi trường giáo dục khác nhau, không ngừng hoàn thiện trình độ đào tạo ban đầu đáp ứng những yêu cầu mới.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về chuyên môn

- Nắm vững mục tiêu, nội dung cơ bản của chương trình, sách giáo khoa của các môn học được phân công giảng dạy; Có kiến thức chuyên sâu, đồng thời có khả năng hệ thống hoá kiến thức trong cả cấp học để nâng cao hiệu quả giảng dạy; Kiến thức cơ bản trong các tiết dạy đảm bảo đủ, chính xác, có hệ thống; Có khả năng khả năng bồi dưỡng học sinh giỏi, hoặc giúp đỡ học sinh yếu hay học sinh còn nhiều hạn chế trở nên tiến bộ.

- Hiểu biết về đặc điểm tâm sinh lí của học sinh tiểu học bao gồm học sinh có nhu cầu đặc biệt, vận dụng có hiệu quả các phương pháp, các hình thức giáo dục đạo đức, thể chất và nghệ thuật vào hoạt động giáo dục và dạy học phù hợp với đối tượng.

- Hiểu biết về các phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá, vận dụng sáng tạo vào việc kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh
- Hiểu biết về chính trị, xã hội và nhân văn, kiến thức liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin, ngoại ngữ.

1.2.2. Về phương pháp, kỹ năng nghiệp vụ

- Xây dựng, tổ chức, điều chỉnh kế hoạch dạy học và giáo dục phù hợp với tình huống thực tiễn của đối tượng học sinh, nhà trường và địa phương.
- Xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch phối hợp nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện các quy định hiện hành đối với các bên liên quan.
- Định hướng sự phát triển của học sinh tiểu học, phát triển cộng đồng xã hội, phát triển năng lực bản thân, phát triển chương trình giáo dục tiểu học

1.2.3. Về thái độ và phẩm chất nghề nghiệp

- Xây dựng phẩm chất công dân toàn cầu
- Truyền tải và giữ gìn các giá trị văn hóa của Việt Nam và Hà Nội
- Tuân thủ các quy định về rèn luyện đạo đức nhà giáo
- Rèn luyện phong cách nhà giáo

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Chuẩn phẩm chất:

Phẩm chất	Giá trị đặc trưng
<i>Phẩm chất công dân toàn cầu</i>	Tôn trọng sự khác biệt về chủng tộc, tôn giáo, văn hóa, quốc gia, dân tộc giữa các cộng đồng khác nhau.
	Biết cách thể hiện các giá trị cá nhân, độc lập, tự chủ và tôn trọng giá trị cá nhân, quyền con người của người khác.
	Có ý thức kết nối, quản trị thế giới giữa các quốc gia, giữa các cộng đồng và tôn trọng những giá trị tinh hoa của thế giới
	Có tinh thần làm việc chủ động, tự lập trong cuộc sống, <u>tư duy độc lập</u> , sống có trách nhiệm với cộng đồng, với môi trường.
	Tự tin giao tiếp bằng ngoại ngữ trong môi trường đa văn hóa; có năng lực sử dụng công nghệ thông tin để làm việc và kết nối thông tin Quốc tế.
	Có tinh thần hợp tác, làm việc đội nhóm; thích ứng với các môi trường làm việc khác nhau, môi trường làm việc có nhiều nền văn hóa.
<i>Phẩm chất công dân</i>	Yêu nước, trung thành với Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa. Tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và lí tưởng cách mạng của

<i>Việt Nam</i>	Đảng.
	Sống, làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
	Có tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc, có ý thức gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc; sống trung thực, nhân ái, có trách nhiệm và hành động vì cộng đồng.
	Có ý thức xây dựng và quảng bá hình ảnh tốt đẹp về đất nước, con người Việt Nam với thế giới.
<i>Phẩm chất công dân Thủ đô</i>	Có tinh thần thực hiện nếp sống văn minh, thanh lịch của người Hà Nội; thực hiện tốt các quy tắc ứng xử nơi công cộng, công sở của Hà Nội.
	Có ý thức tự hào, kế thừa và phát huy những giá trị đạo đức, văn hóa, nhân văn của Thăng Long - Hà Nội; có ý thức quảng bá hình ảnh tốt đẹp về Thủ đô Hà Nội với nhân dân trong nước và khách Quốc tế.
	Chủ động thích ứng với những biến đổi, phát triển về kinh tế - văn hóa - xã hội của Thủ đô Hà Nội.
<i>Phẩm chất nghề nghiệp</i>	Có đạo đức, nhân cách, lối sống lành mạnh, trong sáng; có ý thức giữ gìn phẩm chất và danh dự của nhà giáo.
	Yêu nghề, gắn bó với nghề; có ý thức phát triển chuyên môn nghiệp vụ nghề.
	Có tác phong và cách thức làm việc khoa học, phù hợp với công việc của giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.
	Thương yêu tôn trọng và ứng xử công bằng, thân thiện với học sinh; tôn trọng, cư xử đúng mực với cha mẹ học sinh.
	Nhân ái, hợp tác, sẻ chia với đồng nghiệp trong chuyên môn; có tình cảm chan hòa, giúp đỡ đồng nghiệp.
	Có ảnh hưởng tích cực đến học sinh, đồng nghiệp, cha mẹ học sinh trong việc thực hiện mục tiêu giáo dục của cơ sở giáo dục và phát triển giáo dục địa phương.
<i>Phẩm chất nghề nghiệp</i>	Yêu nghề, mến trẻ, có tinh thần trách nhiệm cao với công việc giảng dạy và giáo dục trẻ ở Tiểu học.

<i>đặc trưng của ngành Giáo dục Tiểu học</i>	Thể hiện tác phong và cách thức làm việc của người giáo viên Tiểu học; gương mẫu, tạo ảnh hưởng tốt tại cơ sở đào tạo, cơ sở thực hành, thực tập
--	--

2.2. Chuẩn năng lực sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học

Tên năng lực	Biểu hiện của năng lực	Thang đo năng lực
<i>Ngoại ngữ</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được những thông tin hiện thực đơn giản được diễn đạt rõ ràng bằng giọng chuẩn về các chủ đề liên quan tới cuộc sống và công việc thường ngày. - <u>Xác định</u> được ý chính trong các bài nói được trình bày rõ ràng về những chủ đề thường gặp trong cuộc sống, công việc hay trường học, kể cả các câu chuyện khi được diễn đạt rõ ràng bằng phương ngữ chuẩn phổ biến. 	Năng lực ngoại ngữ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ dành cho Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT
	<ul style="list-style-type: none"> - <u>Sử dụng</u> ngôn ngữ đơn giản để giải quyết hầu hết các tình huống có thể phát sinh trong khi đi du lịch. - Giao tiếp tương đối tự tin về những vấn đề quen thuộc và không quen thuộc liên quan tới lĩnh vực chuyên môn hoặc quan tâm của mình. Trao đổi, kiểm tra và xác nhận thông tin, xử lý các tình huống ít gặp và giải quyết vấn đề. - Bày tỏ suy nghĩ về những chủ đề văn hóa, có tính trừu tượng như phim ảnh, âm nhạc. 	
	Đọc hiểu các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực yêu thích, quan tâm của mình.	
	<u>Viết</u> bài đơn giản, có tính liên kết về các chủ đề quen thuộc hoặc mối quan tâm cá nhân bằng cách kết nối các thành tố đơn lập thành bài viết có cấu trúc.	
	<u>Thiết kế</u> một số hoạt động giáo dục và <u>giảng dạy</u> dạy học một số bài ở Tiểu học bằng Tiếng Anh.	
<i>Công nghệ thông tin</i>	Sử dụng thành thạo máy tính với các hệ điều hành và phần mềm ứng dụng phổ biến.	Đạt năng lực chuẩn kĩ

	Sử dụng thành thạo một số dịch vụ Internet; tiếp cận được với môi trường làm việc trực tuyến sử dụng công nghệ hiện đại.	năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT
	Biết cách đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin khi sử dụng máy tính và các dịch vụ mạng.	
	Tôn trọng quyền riêng tư, bản quyền và quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm Công nghệ thông tin.	
	Tự học, tự nghiên cứu nhằm thích ứng với sự thay đổi rất nhanh trong lĩnh vực công nghệ thông tin.	
	Thành thạo trong tìm kiếm tài liệu, sử dụng thiết bị tin học phục vụ tổ chức hoạt động giáo dục và dạy học ở Tiểu học	
Năng lực chuyên ngành sư phạm		Thang đo năng lực
<i>Năng lực giáo dục qua các môn học và các hoạt động ở trường tiểu học</i>	Năng lực tìm hiểu môi trường giáo dục (đặc điểm cá nhân và tập thể học sinh, môi trường) và xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, thân thiện, lành mạnh.	2
	Thiết kế chương trình, lập kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường phổ thông.	3
	Xây dựng nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng phát triển năng lực người học.	3
	Tổ chức các hoạt động giáo dục, năng lực quản lí lớp học, xây dựng tập thể học sinh.	3
	Đánh giá kết quả giáo dục của học sinh.	3
	Phát hiện và giải quyết các tình huống giáo dục không mong đợi, tình huống sư phạm ở Tiểu học phù hợp	2
	Thực hiện hiệu quả tư vấn tâm lí và tư vấn học tập cho học sinh.	2
	Phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội thực hiện giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh.	2

<i>Năng lực dạy học các môn Tiếng Việt, Toán, TNXH, Khoa học, Lịch sử, Địa lí, Đạo đức, Giáo dục kỹ năng sống, Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở Tiểu học</i>	Nghiên cứu chương trình và phát triển chương trình dạy học.	2
	Lập kế hoạch dạy học.	3
	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, hiện đại.	3
	Tổ chức các hình thức hoạt động dạy học nhằm phát triển năng lực người học.	3
	Sử dụng thiết bị, phương tiện dạy học hiệu quả.	3
	Tổ chức các hoạt động kiểm tra, đánh giá.	3
	Xây dựng, bảo quản, sử dụng hồ sơ dạy học theo quy định của ngành, đơn vị.	2
	Tự nghiên cứu, tự bồi dưỡng, phát triển chuyên môn nghiệp vụ dạy học.	2
<i>Năng lực tích hợp giáo dục Thể chất và Nghệ thuật bậc Tiểu học</i>	Xây dựng các nội dung/chủ đề tích hợp giáo dục thể chất và nghệ thuật ở Tiểu học	2
	Thực hiện tích hợp giáo dục thể chất và nghệ thuật ở tiểu học	2
	Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu về thể chất và nghệ thuật.	2
<i>Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ nghề nghiệp</i>	Tự phát triển chuyên môn bản thân	3
	Góp phần phát triển cộng đồng nghề và xã hội	2
	Định hướng sự phát triển của học sinh Tiểu học	2

Chú giải Mức độ năng lực:

Mức độ	Năng lực	Mô tả
1	Thông hiểu	Có hiểu biết/ có thể tham gia
2	Vận dụng bậc thấp	Có khả năng vận dụng bước đầu trong các trường hợp/ tình huống tương tự
3	Vận dụng bậc cao	Có khả năng vận dụng ở mức kết hợp phân tích, tổng hợp, đánh giá, sáng tạo, vận dụng trong tình huống thực.

3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Môi trường làm việc	Nghề nghiệp đặc trưng					
	Giáo viên Tiểu học	Lãnh đạo, chuyên viên quản lý trường TH	Giảng viên	GV thực hành, trợ giảng	Nghiên cứu viên về GDTH	Lãnh đạo, chuyên viên tư vấn, bồi dưỡng GDTH
Các phổ thông bậc Tiểu học	2	1	0	2	0	1
Các trường Tiểu học song ngữ, quốc tế, chất lượng cao của VN	2	1	0	2	0	1
Các trường TH trong khu vực ASEAN	1	1	0	2	0	1
Các tổ chức xã hội, trung tâm tư vấn	0	0	0	0	2	2
Các cơ quan quản lý giáo dục và Giáo dục Tiểu học	0	1	0	0	0	1
Cơ sở đào tạo giáo viên	0	0	1	2	2	1
Các Viện nghiên cứu giáo dục và Giáo dục Tiểu học	0	0	0	0	2	1

Chú giải:

2	Người học sẽ làm được ngay sau khi tốt nghiệp
1	Người học có thể làm được. Người học sẽ làm được tốt hơn nếu tích lũy kinh nghiệm và học thêm (học bổ sung, học nâng cao trình độ)
0	Không có vị trí việc làm tại môi trường làm việc tương ứng

2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Có thể học nâng cao trình độ thạc sĩ, tiến sĩ ngành Giáo dục Tiểu học.
- Có thể học thêm để chuyển đổi hoặc kết hợp làm các công việc khác như: làm việc ở thư viện, chăm sóc tâm lý học sinh Tiểu học, tư vấn giáo dục v.v... ở Việt Nam.
- Có thể học thêm để dạy các môn chuyên biệt ở Tiểu học như Tiếng Anh, Âm nhạc, Mĩ thuật, Giáo dục thể chất ở Tiểu học.
- Có thể học thêm để dạy học Tiểu học trong khu vực Đông Nam Á.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

I. Khối kiến thức giáo dục đại cương: (Không tính các môn học GDTC và GDQP-AN)	32 tín chỉ
+ Bắt buộc	14 tín chỉ
+ Tự chọn	18 tín chỉ
II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	60 tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở ngành và liên ngành	23 tín chỉ
- Khối kiến thức ngành	8 tín chỉ
- Khối kiến thức chuyên ngành	29 tín chỉ
+ Bắt buộc	21 tín chỉ
+ Tự chọn	8 tín chỉ
III. Khối kiến thức nghiệp vụ ngành	21 tín chỉ
IV. Khối kiến thức thực tập:	9 tín chỉ
V. Khoá luận tốt nghiệp/ môn học thay thế:	8 tín chỉ
TỔNG SỐ	130 tín chỉ

4. Đối tượng tuyển sinh

Là học sinh THPT đáp ứng yêu cầu tuyển sinh đại học:

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT.
- Thí sinh có điểm thi kỳ thi THPT quốc gia.
- Các thí sinh thuộc diện được tuyển thẳng theo qui định của Bộ GD&ĐT.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo qui chế đào tạo học chế tín chỉ do bộ GD&ĐT ban hành.
- Sinh viên tốt nghiệp phải đạt tất cả các học phần trong chương trình đào tạo. Có đầy đủ các chứng chỉ qui định của chương trình đào tạo. Làm khóa luận hoặc thi tốt nghiệp đảm bảo đúng qui chế đào tạo đã ban hành. Ngoài ra phải đảm bảo tiêu chuẩn về điểm rèn luyện và hạnh kiểm của sinh viên.

6. Cách thức kiểm tra, đánh giá

- Kiểm tra điểm chuyên cần. Kiểm tra giữa kỳ, Thi kết thúc thúc môn học. Báo cáo khóa luận tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp.
- Đánh giá hạnh kiểm và chuyên cần tham gia học tập.

7. Nội dung chương trình đào tạo

TT	Mã môn	Nội dung	Số TC	Số giờ tín chỉ				
				Lí thuyết		Thực hành		Tự học
				Tại ĐHTĐ HN	Tại môi trường thực tế	Tại ĐH TĐHN	Tại môi trường thực tế	

I	Nội dung giáo dục đại cương (không tính các môn GDTC và GDQP-AN)		32					
	Lí luận chính trị		14					
1	30TRA121	Triết học Mác-Lênin	3	45	0	90		60
2	30TRA122	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	30	0	60		90
3	30TRA123	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0	60		60
4	30TRA124	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	60		90
5	30TRA125	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	0	60		
6	30TRA037	Pháp luật đại cương	2	30		60		60
7	30TRA022	Quản lí HC nhà nước & quản lí ngành	2	30				60
	Giáo dục thể chất, GDQP-AN							
8	30TRA001	Giáo dục thể chất 1	0			30		15
9	30TRA005	Giáo dục thể chất 2	0			30		15
10	30TRA036	Giáo dục thể chất 3	0			30		15
11	30PRI030	Bơi và kỹ năng phòng chống đuối nước	0			60		
12	30TRA045	Giáo dục quốc phòng–an ninh 1	0	45		0		90
13	30TRA046	Giáo dục quốc phòng–an ninh 2	0	30		0		60
14	30TRA047	Giáo dục quốc phòng–an ninh 3	0	0		30		75
15	30TRA148	Giáo dục quốc phòng–an ninh 4	0	0		60		30
	Tâm lí học và giáo dục học		4					
16	30TRA005	Tâm lí học	2	15		30		45
17	30TRA006	Giáo dục học	2	15		30		45
18	Ngoại ngữ (chọn 1 trong các thứ tiếng)		5					
18.1	20TRA007	Tiếng Anh	5	30		90		105
18.2	20TRA024	Tiếng Trung Quốc	5	30		90		105
18.3	30TRA004	Tiếng Hàn Quốc	5	30		90		105
19	Công nghệ thông tin (chọn 1 trong các HP)		2					

19.1	30TRA004	Tin học cơ bản	2	15		30		45
19.2	20TRA026	Phát triển năng lực thông tin trong kĩ nguyên số	2	15		30		45
20	Khoa học xã hội (chọn 1 trong các HP)		2					
20.1	20TRA009	Hà Nội học	2	30				60
20.2	20TRA015	Dân số môi trường, phòng chống AIDS và ma túy	2	30				60
20.3	20TRA011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30				60
20.4	20TRA012	Lịch sử văn minh thế giới	2	30				60
20.5	30TRA016	Biển và hải đảo Việt Nam	2	30				60
20.6	30CIV006	Kinh tế học đại cương	2	15		30		45
20.7	30TRA014	GD vì sự phát triển bền vững	2	30				60
20.8	20TRA021	Những vấn đề của thời đại ngày nay	2	30				60
21	Kĩ năng cá nhân (chọn 1 trong các HP)		2					
21.1	20TRA010	Tiếng Việt thực hành	2	30				60
21.2	30TRA044	Kĩ năng quản lí tài chính cá nhân	2	15		30		45
21.3	20TRA042	Âm nhạc và cảm thụ âm nhạc	2	15		30		45
21.4	20TRA043	Mĩ thuật và cảm thụ mỹ thuật	2	15		30		45
II	Nội dung phương pháp, nghiệp vụ		21					
22	30PRI050	Tâm lí học và Giáo dục học TH 1	2	15		30	0	45
23	30PRI036	Tâm lí học và Giáo dục học TH 2	3	30		25	5	60
24	30PRI036	RLNV Giáo dục Tiểu học 1 (gộp 1 và 2 thành 1 học phần)	2	15		25	5	45
	30PRI035	RLNV Giáo dục Tiểu học 2 (gộp 1 và 2 thành 1 học phần)	3	15		40	20	60

25	30PRI012	Phương tiện dạy học ở TH	2	15		30	5	60
26	30PRI034	Tiếng Anh chuyên ngành và PPDH TH bằng Tiếng Anh	2	15		25	5	45
27	30PRI003	Phương pháp NCKH GDTH	2	15		30	0	45
28	30PRI041	Nghiên cứu và phát triển chương trình TH	2	15		30	0	45
29	30PRI070	Công tác chủ nhiệm ở Tiểu học	2	15		25	5	45
III	Nội dung giáo dục chuyên nghiệp		60					
	Lĩnh vực cơ sở ngành và liên ngành		23					
30	30PRI004	Cơ sở lí thuyết toán 1	3	45				90
31	30PRI002	Cơ sở lí thuyết toán 2	4	60				120
32	30PRI001	Rèn kỹ năng sử dụng Tiếng Việt	2	15		30		45
33	30PRI007	Tiếng Việt	4	60				120
34	30PRI015	GD nghệ thuật ở trường TH 1	2	0		60		60
35	30PRI021	GD nghệ thuật ở trường TH 2	2	0		50	10	60
36	30PRI011	GD SK và TC ở TH 1	2	25	5			60
37	30PRI017	GD SK và TC ở TH 2	2	0		60		60
	Lĩnh vực ngành		8					
38	30PRI034	Giáo dục hoà nhập ở trường TH	2	15		25	5	45
39	30TRA915	Văn học	4	60				120
40	30PRI020	Cơ sở TNXH	3	30		30		75
	Lĩnh vực chuyên ngành		29					
	Các môn bắt buộc		21					
41	30PRI009	PPDH Tiếng Việt ở TH 1	4	45		20	10	105
42	30PRI009	PPDH Tiếng Việt ở TH 2	4	45		20	10	105

43	30PRI003	PPDH Toán ở Tiểu học 1	2	15		25	5	45
44	30PRI010	PPDH Toán ở Tiểu học 2	4	30		40	20	90
45	30PRI029	PPDH TNXH	3	15		50	10	60
46	30PRI071	Dạy học phát triển năng lực môn TNXH ở Tiểu học	2	15		25	5	45
47	30PRI017	Giáo dục Đạo đức ở Tiểu học	3	30		25	5	75
	Các môn tự chọn (mỗi nhóm chọn 1 HP)		8					
48	Nhóm tự chọn Văn – Tiếng Việt							
48.1	30PRI037	Đọc hiểu tác phẩm văn học trong chương trình tiểu học	2	30				60
48.2	30PRI040	Dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học theo hướng phân hóa	2	30				60
48.3	30PRI045	Ngữ nghĩa - ngữ dụng trong dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học	2	30				60
48.4	30PRI072	Dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học thông qua hoạt động trải nghiệm	2	10	5	20	10	30
49	Nhóm tự chọn Toán							
49.1	30PRI038	Chuyên đề: Các bài toán suy luận logic và bài toán vui ở Tiểu học	2	30				60
49.2	30PRI041	Chuyên đề: Phát triển năng lực tư duy Toán cho học sinh Tiểu học	2	30				60
49.3	30PRI073	Dạy học Toán ở Tiểu học thông qua hoạt động trải nghiệm	2	10	5	20	10	45
50	Nhóm tự chọn TNXH, sức khỏe và thể chất							
50.1	30PRI023	Tích hợp giáo dục môi trường ở TH	2	15		25	5	45
50.2	30PRI022	Tổ chức hoạt động đồng diễn ở tiểu học	2	15		25	5	45

50.3	30PRI025	Thiết kế và tổ chức trò chơi vận động cho HSTH	2	15		25	5	45
50.4	30PRI074	Dạy học các môn TNXH, KH, LS, ĐL ở Tiểu học thông qua hoạt động trải nghiệm	2	10	5	20	10	30
51	Nhóm tự chọn Nghiệp vụ							
51.1	30PRI026	Xây dựng môi trường học tập ở TH	2	15		10	20	45
51.2	30PRI027	Tổ chức hoạt động tạo hình ở trường TH	2	15		20	10	45
51.3	30PRI032	Các phần mềm chuyên biệt phục vụ dạy học tiểu học	2	15		30	0	45
51.4	30PRI031	Giáo dục Đạo đức ở Tiểu học thông qua hoạt động trải nghiệm	2	10	5	20	10	30
IV	Nội dung thực tập		9					
52	30TRA036	Thực tập sư phạm 1	2				60	30
53	30TRA037	Thực tập sư phạm 2	3				90	45
54	30TRA038	Thực tập sư phạm 3	4				120	60
V	Khoá luận tốt nghiệp		8					
55.1	30TRA038	Khóa luận TN	8				240	
55.2	Học phần thay thế khóa luận		8					
55.2.1	30PRI061	Phương pháp bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học cho HSTH	3	45				90
	30PRI048	Dạy học tiếng Việt ở TH theo quan điểm giao tiếp						
55.2.2	30PRI063	Dạy học Toán ở TH theo hướng phân hoá	2	15		30		45
	30PRI048	Dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề trong môn toán ở TH						
55.2.3	30PRI062	Dạy học tích hợp môn TNXH ở TH	3	45				90
	30PRI039	Dạy học Lịch sử và Địa lí địa phương ở tiểu học (TTKLTN)	2	15		9	21	45
		Tổng cộng	130			1369	701	

8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục Tiểu học theo định hướng ứng dụng nghề nghiệp thực hiện bằng nhiều hình thức tổ chức dạy - học khác nhau. Các hình thức này cần hướng vào sự phát triển năng lực tự học của sinh viên, tập trung vào việc đào tạo các năng lực chuyên môn của người học. Tinh thần này phải được quán triệt trong việc dạy học từng học phần và trong rèn luyện nghiệp vụ chuyên môn.

Ở mỗi học phần, cần tinh giản số giờ lý thuyết, tăng thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm. Tăng cường tổ chức dạy học ở môi trường thực tế, phối hợp với các chuyên gia hướng dẫn và đánh giá năng lực thực hành nghề nghiệp của sinh viên.

Thực hiện kiểm tra đánh giá năng lực người học thường xuyên, toàn diện và bằng nhiều hình thức khác nhau.

9. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

1. TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN (3 tín chỉ)

Học phần *Triết học Mác – Lênin* bao gồm 3 chương: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử nhằm cung cấp thế giới quan và phương pháp luận đúng đắn cho sinh viên trong nhận thức và thực tiễn.

2. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các phạm trù kinh tế và quy luật kinh tế trong nền kinh tế hàng hóa nói chung và kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nói riêng; trên cơ sở, hình thành ở người học tư duy kinh tế mới và năng lực phát hiện, giải quyết các vấn đề kinh tế - chính trị trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp mới.

3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC (2 tín chỉ)

Học phần *Chủ nghĩa xã hội khoa học* bao gồm 8 chương: Khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về CNXH và bày các vấn đề liên quan đến chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng

4. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH (2 tín chỉ)

Học phần *Tư tưởng Hồ Chí Minh* bao gồm 6 chương: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

5. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (2 tín chỉ)

Học phần làm rõ đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của

Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

6. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG (2 tín chỉ)

Học phần Pháp luật đại cương là môn khoa học pháp lý cơ sở, cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật và đề cập tới một số ngành luật cơ bản của Việt Nam hiện nay nhằm hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về nhà nước, pháp luật nói chung và nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng. Học phần Pháp luật đại cương bao gồm 6 chương. Chương 1,2 là các vấn đề cơ bản về nhà nước, pháp luật. Chương 3, 4, 5 là những nội dung cơ bản về pháp luật chuyên ngành như Luật Hành chính Việt Nam; Luật Dân sự Việt Nam; Luật Hình sự Việt Nam. Chương 6 là pháp luật về phòng chống tham (giảng dạy theo tinh thần của Chỉ thị 10/CT-TTg ngày 12/6/2013).

7. QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VÀ QUẢN LÝ NGÀNH (2 tín chỉ)

Môn học trang bị cho sinh viên ngành Sư phạm những kiến thức cơ bản về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước CHXHCN Việt Nam, về QLHCNN và QL Ngành GD-ĐT. Sinh viên nắm được Đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo, Điều lệ, Quy chế, quy định của Bộ GD-ĐT đối với GDMN và GDPT, Luật GD và Luật bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em, Thực tiễn Giáo dục Việt Nam thông qua thuyết trình, thảo luận, nêu và giải quyết vấn đề, tự nghiên cứu giáo trình và các tài liệu tham khảo. Bằng hình thức thi TNKQ kết hợp tự luận, khi ra trường trở thành giáo viên họ có thể hoàn thành chức năng, nhiệm vụ của Cán bộ, Công chức và Viên chức ngành GD-ĐT

8. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1 (1 tín chỉ)

Học phần Giáo dục thể chất 1 được giảng dạy tại trường Đại Học Thủ Đô Hà Nội cung cấp cho sinh viên các nội dung cơ bản về ý nghĩa, tác dụng của TDTT, các kiến thức cơ bản của môn Thể dục (Đội hình đội ngũ cơ bản, bài tập thể dục tay không liên hoàn 40 động tác, nhảy dây kỹ thuật, thể dục với gậy 32 động tác).

9. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2 (1 tín chỉ)

(Tự chọn 1 trong 3 môn học: Võ TEAKWONDO; DanceSport; Bóng Rổ)

Võ TEAKWONDO

Học phần Giáo dục thể chất 2 môn Võ Teakwondo được giảng dạy tại trường Đại Học Thủ Đô Hà Nội cung cấp cho sinh viên cơ bản về một môn thể thao hiện đại, giúp sinh viên áp dụng khả năng tự vệ trong cuộc sống.

TAEKWONDO là môn võ rất phát triển trong các môn thể thao ở Thế giới và Việt Nam. Việt Nam coi môn TEAKWONDO là môn thể thao mũi nhọn của cả nước vì qua các kỳ đại hội từ thế giới, châu lục môn TAEKWONDO luôn giành được nhiều huy chương xứng đáng cho nền thể thao nước nhà.

DanceSport

Học phần DanceSport cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng cơ bản, cần thiết về Dancesport. Giới thiệu các điệu nhảy phổ thông nằm trong chương trình thi đấu Quốc gia và thông dụng trong các trường học hiện nay như: Cha cha cha, Rumba, Slow Waltz...Thực hành tốt 1 điệu nhảy.

Bóng Rổ

Bóng rổ là một môn thể thao có tính tập thể, tính đối kháng cao, hoạt động tập luyện và thi đấu bóng rổ chủ yếu là dùng tay để dẫn bóng, chuyền bóng, bắt bóng, tranh bóng, che chắn và ném rổ.

Học phần GDTC2 tự chọn môn bóng rổ được giảng dạy tại cung cấp cho sinh viên không chuyên các nội dung cơ bản về môn Bóng rổ: Sơ lược về lịch sử phát triển của bóng rổ trên thế giới và ở Việt Nam, tác dụng của bóng rổ với người tập, Thực hành các kỹ thuật cơ bản của bóng rổ: Di chuyển, dẫn bóng; chuyền, bắt bóng; ném rổ.

10. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 3 (1 tín chỉ)

(Tự chọn 1 trong 3 môn học: Bóng chuyền; Bóng bàn; Cầu lông)

Cầu Lông

Cầu lông là môn thể thao có tính hấp dẫn trong lĩnh vực thể dục thể thao ở nước ta hiện nay. Học phần cầu lông được giảng dạy trong trường Đại học Thủ đô Hà Nội dùng cho khối không chuyên, cung cấp cho sinh viên các nội dung cơ bản về môn cầu lông: Khái niệm, vị trí, ý nghĩa và tác dụng của môn cầu lông. Thực hành các động tác cơ bản, kỹ năng kỹ thuật và thi đấu của môn cầu lông.

Bóng Chuyền

Bóng chuyền là một môn thể thao có tính tập thể, tính đối kháng cao, hoạt động thi đấu bóng chuyền càng ở trình độ cao thì càng sôi nổi, hấp dẫn cho người tập cũng như người xem. Bóng chuyền đòi hỏi người tập có trình độ toàn diện về thể lực, kỹ thuật - chiến thuật và tâm lý – ý chí.

Học phần GDTC3 tự chọn môn Bóng chuyền được giảng dạy tại trường Đại học Thủ Đô Hà Nội áp dụng cho hệ Đại học khối không chuyên cung cấp cho sinh viên các nội dung cơ bản về môn bóng chuyền: Sơ lược về lịch sử phát triển của bóng chuyền trên thế giới và ở Việt Nam, tác dụng của bóng chuyền với người tập, Thực hành các kỹ thuật cơ bản của bóng chuyền: tư thế chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng cao tay, kỹ thuật chuyền bóng thấp tay, kỹ thuật phát bóng.

Bóng Bàn

Bóng bàn là môn thể thao có sức hấp dẫn cao và rất được quan tâm phát triển ở Việt Nam. Môn học bóng bàn có tác động trực tiếp và gián tiếp tới nhiều mặt của con người như thể lực, ý chí, tư tưởng, đạo đức. Thông qua môn học bóng bàn nhiều phẩm chất khác nhau sẽ được rèn luyện và phát triển nhằm tác động tích cực lên người học. Môn học bóng bàn chuyên nghiên cứu, rèn luyện các kiến thức về hoạt động con người trong điều kiện tập luyện TDTT và kỹ năng thực hiện các kỹ thuật động tác.

Học phần bóng bàn được đưa vào giảng dạy tự chọn cho sinh viên hệ Đại học không chuyên trong toàn trường cung cấp cho người học các nội dung, kiến thức cơ

bản của môn bóng bàn. Các kiến thức về quá trình phát sinh và phát triển môn bóng bàn. Các tư thế, cách cầm vợt, cách di chuyển, các kỹ thuật cơ bản.

11. BƠI VÀ KỸ NĂNG PHÒNG CHỐNG ĐUỐI NƯỚC

12. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 1 (3 tín chỉ)

Nghiên cứu những quan điểm cơ bản có tính chất lý luận của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh gồm : Những vấn đề cơ bản của học thuyết Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, an ninh nhân dân; về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh và một số nội dung cơ bản về nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ .

13. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 2 (2 tín chỉ)

Nghiên cứu những vấn đề cơ bản có tính nguyên tắc về nhiệm vụ, nội dung công tác quốc phòng, an ninh của Đảng ta hiện nay bao gồm : Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao ; đánh bại chiến lược “ Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam; một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề về dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam ; xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia; đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội .

14. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 3 (1 tín chỉ)

Nghiên cứu các kiến thức, kỹ năng chiến thuật, kỹ thuật quân sự cần thiết như : kiến thức cơ bản về bản đồ địa hình quân sự, một số phương tiện chỉ huy và chỉ huy chiến đấu; tính năng, tác dụng, cấu tạo, sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPD, RPK, B40, B41; tính năng, kỹ thuật sử dụng thuốc nổ; hiểu biết về phòng chống vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học, vũ khí lửa; hiểu biết và xử lý các vết thương chiến tranh; thực hành rèn luyện đội ngũ từng người và đơn vị; thực hành sử dụng vũ khí bộ binh và chiến thuật tiến công, phòng ngự từng người .

16. TÂM LÝ HỌC (3 tín chỉ)

Học phần tâm lý học cung cấp cho người học những tri thức cơ bản về tâm lý: Bản chất, quá trình nảy sinh, qui luật hình thành và phát triển của các hiện tượng tâm lý; mối quan hệ giữa các hiện tượng tâm lý, chức năng vai trò của tâm lý đối với hoạt động của con người; giúp sinh viên hiểu bản chất và qui luật của sự phát triển con người trong quá trình phát triển cá thể từ đó vận dụng vào công tác tham vấn, giáo dục học sinh ở phổ thông. Học phần còn trang bị cho người học những tri thức tâm lý về sự phát triển tâm lý, quy luật phát triển tâm lý ở con người và các đặc điểm tâm lý điển hình, đặc trưng ở các giai đoạn lứa tuổi nhằm mục đích mô tả một cách khái quát nhất chân dung tâm lý của con người ở từng giai đoạn lứa tuổi cũng như ứng dụng những tri thức đó để quá trình giáo dục, dạy học được tổ chức phù hợp với tâm lý lứa tuổi.

17. GIÁO DỤC HỌC (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những tri thức khoa học và các khái niệm cơ bản của giáo dục học; vai trò của giáo dục đối với sự phát triển con người và xã hội; chiến lược phát triển giáo dục và việc tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân. Sinh viên hiểu được bản chất của quá trình dạy học. Học phần tạo điều kiện cho sinh viên vận dụng các nguyên tắc dạy học, phương pháp dạy học, phương tiện dạy học trong tổ chức quá trình dạy học. Học phần cung cấp cho người học hiểu biết bản chất của quá trình giáo dục nghĩa hẹp, động lực căn bản trong phát triển toàn diện nhân cách con người. Trên cơ sở các nguyên tắc, phương pháp giáo dục, sinh viên có khả năng giải quyết các tình huống sư phạm. Từ đó góp phần hình thành phẩm chất yêu trẻ yêu nghề, thế giới quan khoa học...năng lực sư phạm như: tổng hợp, phân tích tài liệu, thuyết trình, năng lực sử dụng phương pháp, phương tiện dạy học...

18.1. TIẾNG ANH (5 tín chỉ)

Trong học phần này sinh viên sẽ được ôn tập và học thêm một số nội dung cơ bản sau:

1. Ngữ pháp

- Thì hiện tại đơn giản
- Thì hiện tại tiếp diễn
- Thì quá khứ đơn
- Thì quá khứ tiếp diễn,
- Thì tương lai gần
- Câu điều kiện loại không, một, hai và ba
- Thì hiện tại hoàn thành
- Động từ tình thái
- So sánh của hơn và nhất tính từ
- Câu bị động
- Lời nói gián tiếp
- Trật tự từ trong câu hỏi

2. Từ vựng

- Từ chỉ nghề nghiệp, trong giáo dục, giải trí, mua sắm, máy tính, công nghệ thông tin, khoa học, giao tiếp, mô tả người, thời tiết, môi trường, sức khỏe, thể thao, du lịch,...

3. Đọc hiểu:

- Chủ đề: Nghề nghiệp, trường học, bạn bè, lễ hội, trò chơi, phim ảnh, môi trường,...
- Kỹ năng: đọc lướt nắm ý chính; đọc hiểu tìm một số thông tin chi tiết, đoán nghĩa từ trong ngữ cảnh

4. Nghe nói:

- Chủ đề: âm nhạc, cuộc sống của tuổi teen, nghệ thuật,....
- Kỹ năng: nghe nắm ý chính, nghe phát hiện 1 số thông tin chi tiết, nghe đoán từ.

5. Viết:

- Kỹ năng viết thư điện tử.

- Kỹ năng viết thư trang trọng.
- Kỹ năng viết một bài báo.
- Kỹ năng viết thư khuyên giải.

18.2. TIẾNG TRUNG QUỐC (5 tín chỉ)

Học phần **Tiếng Trung** bao gồm 18 bài trong 2 cuốn Giáo trình Hán ngữ tập 1 – quyển thượng (từ bài 01 đến bài 15) và Giáo trình Hán ngữ tập 1 – Quyển hạ (từ bài 16 đến bài 18). Trong 6 bài đầu, học phần tập trung tiến hành giảng dạy và luyện tập ngữ âm cơ bản của tiếng Hán. Bên cạnh đó học phần bước đầu giới thiệu quy tắc viết và các nét cơ bản của tiếng Hán, từ đó giúp học sinh dễ dàng làm quen với chữ Hán, tiếp nhận lượng từ vựng học phần đưa ra. Trong 12 bài tiếp theo, bên cạnh việc cung cấp các kiến thức về ngữ âm, học phần mở rộng vốn từ vựng tiếng Hán theo các chủ đề giao tiếp thường nhật, hỏi họ tên, quốc tịch, mua bán, đổi tiền, đồ ăn thức uống, chào hỏi khi lâu ngày gặp lại, hỏi thăm sức khỏe, học tập, thời gian, màu sắc, xe cộ, đồ dùng, phòng ở.... Học phần **Tiếng Trung** ban đầu đưa ra một số khái niệm ngữ pháp đơn giản như: câu vị ngữ động từ, câu hỏi dùng trợ từ nghi vấn “吗”, câu hỏi với các đại từ nghi vấn, câu vị ngữ hình dung từ, câu vị ngữ danh từ, câu vị ngữ chủ vị,... từ đó giúp sinh viên làm quen với cách thành lập câu và xây dựng hội thoại, đoạn văn. Học phần **Tiếng Trung** còn cung cấp một lượng bài tập đa dạng với các cấp độ từ dễ đến khó để người học quen dần với các dạng bài tập ngôn ngữ với bốn kỹ năng nghe nói đọc viết.

18.3. TIẾNG HÀN QUỐC (5 tín chỉ)

Tiếng Hàn Quốc bao gồm 15 bài, được phân bổ thành các nội dung trong vòng 15 tuần, tương ứng với 75 tiết. Cấu trúc tổng thể của giáo trình được xây dựng theo các chủ đề; mỗi chủ đề được liên kết thống nhất với một hệ thống các từ vựng và cấu trúc ngữ pháp cơ bản, bài tập ứng dụng, kỹ năng và tìm hiểu văn hóa. Trong mỗi bài học, nội dung học được chia thành các phần như: luyện từ vựng, luyện ngữ pháp cơ bản, luyện tập kỹ năng nói, nghe, đọc, viết, luyện phát âm, tìm hiểu văn hóa.

Phần Từ vựng của Học phần Tiếng Hàn Quốc chủ yếu về các chủ đề giao tiếp thường nhật, điện thoại, sinh nhật, sở thích, giao thông, thư tín, phim ảnh.... Đặc biệt các từ vựng thiết yếu được đưa ra có liên quan đến nội dung của mỗi bài học mà người học cần phải nắm được.

Phần Ngữ pháp của Học phần Tiếng Hàn Quốc đưa ra một số cấu trúc câu chỉ nguyên nhân, lý do - 아/어서, biểu hiện khả năng có thể/ không thể thực hiện được một việc gì đó -(으)를 수 있다/없다, chỉ phương tiện (으)로..., từ đó giúp sinh viên có thể xây dựng hội thoại, đoạn văn với nội dung đa dạng và nâng cao hơn.

Phần luyện nghe, nói, đọc, viết của Học phần Tiếng Hàn Quốc được chia thành ba bước: làm quen- luyện tập- nâng cao và được thiết kế để phát huy được cách học lấy quá trình làm trọng tâm.

Phần luyện phát âm của Học phần Tiếng Hàn Quốc được xây dựng cùng với các tài liệu nghe nhìn nhằm giúp người học luyện tập phát âm chính xác tại lớp cũng như ở nhà.

Phần tìm hiểu văn hóa được giải thích bằng tiếng Việt giúp người học dễ đọc hiểu. Thông qua phần này, người đọc có thể nắm được sơ qua về các thông tin văn hóa liên quan đến Hàn Quốc.

19.1. TIN HỌC CƠ BẢN (2 tín chỉ)

Máy tính căn bản: kiến thức căn bản về máy tính, hệ điều hành, phần cứng, phần mềm và sử lý sự cố khi sử dụng máy tính

Các ứng dụng cơ bản về: Các kỹ năng cơ bản sử dụng phần mềm ứng dụng trong công việc: xử lý văn bản, xử lý bảng tính và trình chiếu

Cuộc sống trực tuyến: kiến thức cơ bản về mạng máy tính, internet, tìm kiếm thông tin, đạo đức và văn hóa khi trực tuyến.

19.2. PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC THÔNG TIN TRONG KỶ NGUYÊN SỐ

(2 tín chỉ)

Khái niệm Thông tin và năng lực thông tin: Tác động của thông tin đến xã hội và các kỹ năng mới.

Môi trường học tập và năng lực thông tin: các giai đoạn của năng lực thông tin, Môi trường học tập và các tổ chức cung cấp thông tin

Năng lực thông tin kỹ thuật số: Internet – cơ hội và thách thức, tìm hiểu phần cứng và phần mềm của máy tính, Luật bản quyền trong thời đại thông tin kỹ thuật số, Bảo vệ phần mềm và dữ liệu điện tử trong máy tính, Học qua Internet, Bảo quản kỹ thuật số và các dạng thức kỹ thuật số.

20.1. HÀ NỘI HỌC (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức khái quát về lịch sử, địa lý, các làng nghề thủ công truyền thống ở Hà Nội, các nét văn hoá đặc trưng ở Hà Nội về ẩm thực, danh nhân Hà Nội, kiến trúc phố cổ... Từ đó sinh viên am tường các phương diện văn hóa Hà Nội, có thể giới thiệu cho khách du lịch những điểm du lịch độc đáo của Hà Nội.

20.2. DÂN SỐ, MÔI TRƯỜNG, PHÒNG CHỐNG AIDS VÀ MA TÚY (2 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: Những vấn đề cơ bản của dân số học như: các quá trình dân số (sinh sản, tử vong, di cư) và các yếu tố ảnh hưởng đến các quá trình đó. Sự phát triển dân số của Việt Nam, các khu vực và trên thế giới. Mối liên quan giữa phát triển dân số với kinh tế, giáo dục, y tế, cung cấp lương thực thực phẩm, môi trường, tài nguyên (đất nông nghiệp, rừng, đa dạng sinh học, tài nguyên khác). Tác nhân, con đường lây nhiễm và cách phòng chống HIV/AIDS. Các loại ma túy, tác hại của ma túy, lạm dụng, nghiện ma túy, nguyên tắc và phương pháp cai nghiện ma túy... Mục tiêu chiến lược của toàn thế giới và của Đảng, Nhà nước ta về phát triển dân số, bảo vệ môi trường, tài nguyên, phòng chống HIV/AIDS và ma túy. Những nội dung kiến thức này có thể phục vụ giảng dạy nội dung kiến thức sinh học trong chương trình môn học KHTN ở cấp THCS và chương trình môn Sinh học ở THPT.

20.3. CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM (2 tín chỉ)

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa nói chung, văn hóa Việt Nam nói riêng; giúp sinh viên nắm bắt những đặc trưng cơ bản

của văn hóa Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại (tiền trình văn hóa Việt Nam, không gian văn hóa Việt Nam.); Chỉ rõ loại hình văn hóa Việt Nam, các yếu tố cấu thành văn hóa Việt Nam và nội hàm của các yếu tố đó. Làm sáng tỏ văn hóa Việt Nam là tổng hòa các giá trị vật chất và tinh thần do các thế hệ người Việt Nam tạo nên trong quá trình tương tác với tự nhiên, xã hội và con người: Tác động đến tự nhiên như: Ăn, ở, mặc...; Tác động đến xã hội như: phong tục tập quán, tôn giáo, triết học, đạo đức...; Tác động đến chính con người: các giá trị như Chân-chân thật- giá trị nhân bản. Thiện-tốt- giá trị nhân đạo. Mĩ-đẹp-giá trị nhân văn. Cosovăn hóaviệt Nam làm ôn học đại cương về văn hóa Việt Nam, cung cấp một cái nhìn toàn diện về văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức đời sống của người Việt, qua đó giáo dục lòng nhân ái, ý thức và trách nhiệm của mỗi công dân đối với di sản văn hóa dân tộc và tương lai của văn hóa Việt Nam.

20.4. LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về lịch sử phát sinh, phát triển của các nền văn minh lớn trong lịch sử nhân loại từ thời cổ, trung đến cận hiện đại với những nội dung cơ bản: Các điều kiện cho sự hình thành và phát triển của các nền văn minh, những thành tựu chủ yếu, những điểm tương đồng và dị biệt giữa các nền văn minh.

20.5. BIỂN VÀ HẢI ĐẢO (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những thông tin, kiến thức cơ bản về biển và đảo Việt Nam như: vị trí địa lí biển đông, địa lí tự nhiên biển Đông, vùng biển và hải đảo Việt Nam; phát triển kinh tế biển và sự khai thác bền vững tài nguyên biển và hải đảo, vấn đề bảo vệ môi trường biển và bảo vệ an ninh chủ quyền vùng biển đảo nước ta trong bối cảnh quốc tế hiện nay. Tổ chức các hoạt động ngoại khóa với chủ đề biển và đảo Việt Nam. Hoàn thành các nhiệm vụ học tập, đảm bảo yêu cầu các bài kiểm tra đánh giá. Hình thành ý thức học tập nghiêm túc, tự giác, tích cực, độc lập, luôn có ý thức học hỏi, phê phán đánh giá, rút kinh nghiệm cho bản thân. Hình thành lòng yêu nghề, tích cực trong học tập và tâm huyết trong công tác dạy học sau này.

20.6. KINH TẾ HỌC ĐẠI CƯƠNG (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về Kinh tế học; Cầu cung thị trường; Lý thuyết hành vi người tiêu dùng và người sản xuất; Những kiến thức cơ bản của Kinh tế vĩ mô và Kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở. Từ đó, người học vận dụng để phân tích những ảnh hưởng của cầu cung hàng hóa, ứng xử của người tiêu dùng và của doanh nghiệp trên thị trường và phân tích được những tác động của Chính Phủ khi điều tiết vĩ mô nền kinh tế bằng các chính sách tài khóa, tiền tệ, thu nhập, đối ngoại.

20.7. GIÁO DỤC VÌ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những thông tin, kiến thức cơ bản về phát triển bền vững và giáo dục vì sự phát triển bền vững, có kỹ năng phát hiện và lựa chọn để tổ chức, triển khai các nội dung học tập về giáo dục vì sự phát triển bền vững trong nhà trường và công tác xã hội. Trên cơ sở đó sinh viên thiết kế được các bài học, lập kế hoạch cho hoạt động trong công tác. Hoàn thành các nhiệm vụ học tập, đảm bảo yêu cầu các bài kiểm tra đánh giá. Hình thành ý thức học tập nghiêm túc, tự giác, tích

cực, độc lập, luôn có ý thức học hỏi, phê phán đánh giá, rút kinh nghiệm cho bản thân. Hình thành tính trung thực trong học tập và trong công tác dạy học sau này.

20.8. NHỮNG VẤN ĐỀ CỦA THỜI ĐẠI NGÀY NAY (2 tín chỉ)

Học phần giúp người học hiểu biết cơ bản về những vấn đề của thời đại ngày nay, liên quan trực tiếp đến sự tồn tại và phát triển của nhân loại, đòi hỏi toàn nhân loại phải cùng nhau chung sức giải quyết. Những nội dung đó thể hiện trong 07 chương: Chương 1. Toàn cầu hóa; chương 2. Sự hình thành các tổ chức quốc tế trong tiến trình toàn cầu hóa; Chương 3. Chiến tranh và hòa bình; Chương 4. Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa; Chương 5 Phòng chống tệ nạn xã hội; Chương 6 Bảo vệ môi trường toàn cầu; Chương 7 Giải quyết việc làm, chống thất nghiệp và đói nghèo.

21.1. TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về tiếng Việt (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, văn bản), những nguyên tắc sử dụng tiếng Việt, rèn luyện và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt trong khi nói và viết (kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, kỹ năng viết đoạn văn, kỹ năng viết câu trong văn bản, kỹ năng dùng từ, kỹ năng sử dụng chữ viết...).

21.2. KỸ NĂNG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÁ NHÂN (2 tín chỉ)

Học phần Kỹ năng quản lý tài chính cá nhân cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tài chính cá nhân và các kỹ năng lên kế hoạch tài chính cá nhân, thực hiện và kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch tài chính cá nhân của mình. Thông qua học phần này, người học có khả năng: đọc hiểu các thuật ngữ liên quan đến tài chính cá nhân; lập kế hoạch tài chính cá nhân hiệu quả, khoa học; quản lý tài sản, đầu tư và nợ cá nhân; có những kiến thức cơ bản về quản lý rủi ro sử dụng bảo hiểm.

21.3. ÂM NHẠC VÀ CẢM THỤ ÂM NHẠC (2 tín chỉ)

Học phần trang bị một số kiến thức, kỹ năng cơ bản của Âm nhạc: Xướng âm, hát, chỉ huy hát tập thể.

21.4. MỸ THUẬT VÀ CẢM THỤ MỸ THUẬT (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất về mỹ thuật: Vẽ theo mẫu; Vẽ trang trí; Vẽ tranh; Điêu khắc. Nhằm nâng cao khả năng nhận thức thẩm mỹ và rèn kỹ năng tạo hình. Trọng tâm của học phần: Thành tựu cơ bản các ngành Hội họa, Đồ họa, Điêu khắc. Rèn kỹ năng thực hành chuyên ngành: Vẽ theo mẫu; Vẽ trang trí; Vẽ tranh; Điêu khắc.

22. TÂM LÝ HỌC VÀ GIÁO DỤC HỌC TIỂU HỌC 1 (2 tín chỉ)

Học phần gồm 2 phần Tâm lý học và Giáo dục học tiểu học, trong đó:

- Tâm lý học: người học sẽ lĩnh hội những tri thức cơ bản, hệ thống về đặc điểm nhận thức và nhân cách của học sinh tiểu học.

- Giáo dục học: trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Một số vấn đề chung về giáo dục học tiểu học, phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực và kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục ở tiểu học.

Học phần được triển khai giảng dạy theo hướng phát huy năng lực tự học, tự tìm hiểu tri thức của người học.

23. TÂM LÝ HỌC VÀ GIÁO DỤC HỌC TIỂU HỌC 2 (3 tín chỉ)

Học phần gồm 2 phần Tâm lý học và Giáo dục học tiểu học, trong đó:

- Tâm lý học: người học sẽ lĩnh hội những tri thức cơ bản, hệ thống về các hoạt động của học sinh tiểu học, tâm lý một số nhóm học sinh có nhu cầu đặc biệt, một số vấn đề tâm lý học dạy học và giáo dục tiểu học, cũng như nhân cách người giáo viên tiểu học.

- Nội dung Giáo dục học: trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Lí luận giáo dục tiểu học, Lí luận và phương pháp công tác sao Nhi đồng và đội TNTP Hồ Chí Minh, tổ chức hoạt động trải nghiệm ở nhà trường tiểu học, và các vấn đề nổi bật của giáo dục tiểu học hiện nay.

Học phần được triển khai giảng dạy theo hướng phát huy năng lực tự học, tự tìm hiểu tri thức của người học.

24. RLNV GIÁO DỤC TIỂU HỌC

Học phần trang bị cho người học những vấn đề chung về nhà trường tiểu học (nhà trường, giáo viên, học sinh), đồng thời cung cấp nội dung kiến thức và luyện tập thực hành những kỹ năng cơ bản của người giáo viên tiểu học (kỹ năng thuyết trình, giao tiếp sư phạm, xử lý tình huống sư phạm, công tác chủ nhiệm và quản lí lớp học) nhằm mục đích hình thành những phẩm chất, năng lực chuyên ngành giáo dục tiểu học. Học phần được triển khai giảng dạy theo hướng phát huy năng lực tự học, tự tìm hiểu tri thức của người học. Người học nghe báo cáo về việc thực hiện công tác chủ nhiệm từ thực tế ở trường tiểu học.

Học phần củng cố cho người học việc vận dụng kiến thức qua thực hành các kỹ năng cơ bản của người giáo viên tiểu học trong các loại hình trường tiểu học khác nhau (trường công lập, song ngữ và quốc tế...), đồng thời trang bị những kỹ năng thiết yếu thế kỉ XXI cho người học nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội. Học phần được triển khai giảng dạy theo hướng phát huy năng lực tự học, tự tìm hiểu tri thức của người học. Người học viết báo cáo về việc giảng dạy và giáo dục của giáo viên tiểu học ở trường tiểu học hiện nay.

25. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC Ở TIỂU HỌC (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng sử dụng các phương tiện dạy học truyền thống và hiện đại trong dạy học Tiểu học. Người học có kỹ năng tự làm các phương tiện, đồ dùng dạy học truyền thống, biết khai thác và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông hỗ trợ dạy học Tiểu học, bên cạnh đó người học có khả năng tự tìm hiểu các phần mềm và ứng dụng mới. Học phần giúp người học phát huy tối đa tính tích cực, chủ động trong học tập, giao tiếp và làm việc nhóm. Học phần được triển khai giảng dạy theo hướng phát huy năng lực tự học, tự tìm hiểu tri thức của người học. Học phần được đánh giá thông qua sự tiến bộ về năng lực học tập của người học, trải rộng trên tất cả các bài thực hành, các nhiệm vụ tự học và đánh giá sâu về kết quả làm việc cá nhân, làm việc nhóm của sinh viên.

Người học thực hành, tạo ra các đồ dùng truyền thống và các sản phẩm ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quá trình dạy học và giáo dục ở tiểu học.

26. TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH VÀ PPDH TH BẰNG TIẾNG ANH (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về giáo dục tiểu học ở Việt Nam, cách thức soạn giáo án và tổ chức giảng dạy Toán, TNXH và kể chuyện bằng tiếng Anh, cũng như thực hành kỹ năng giảng dạy những nội dung này. Thông qua học phần, người học có cơ hội rèn luyện kỹ năng nghe, nói, đọc, viết bằng tiếng Anh. Học phần được triển khai giảng dạy theo hướng phát huy năng lực tự học, tự tìm hiểu tri thức của người học.

Người học dự giờ một số tiết dạy các môn học bằng tiếng Anh ở tiểu học như Toán, Khoa học... và viết báo cáo.

27. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC GDTH (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những thông tin, những kiến thức cơ bản, trong nghiên cứu khoa học, những kỹ thuật cần thiết để tiếp cận phương pháp thực nghiệm và cách trình bày các kết quả nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở đó giúp người hiểu ý nghĩa của công tác nghiên cứu khoa học, có kỹ năng phát hiện và lựa chọn và tổ chức, triển khai các nội dung nghiên cứu. Hình thành ý thức học tập nghiêm túc, tự giác, tích cực, độc lập, luôn có ý thức học hỏi, phê phán đánh giá, rút kinh nghiệm cho bản thân. Hình thành tính trung thực trong học tập và trong công tác nghiên cứu khoa học sau này.

28. NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH TIỂU HỌC (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho người học những vấn đề chung về chương trình giáo dục: khái niệm; cơ sở lý luận và thực tiễn của việc phát triển chương trình giáo dục; các cách tiếp cận, nguyên tắc, qui trình phát triển chương trình giáo dục và đánh giá cải tiến chương trình giáo dục. Học phần được triển khai giảng dạy theo hướng phát huy năng lực tự học, tự tìm hiểu tri thức của người học.

29. CÔNG TÁC CHỦ NHIỆM Ở TIỂU HỌC (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vị trí, vai trò và nhiệm vụ của giáo viên chủ nhiệm ở tiểu học trong sự phát triển toàn diện của học sinh giai đoạn hiện nay, những yêu cầu mới đối với giáo viên chủ nhiệm ở tiểu học và kỹ năng giải quyết tình huống trong công tác chủ nhiệm lớp ở tiểu học. Bên cạnh đó, người học được thực hành lên kế hoạch chủ nhiệm lớp ở trường tiểu học. Học phần được triển khai giảng dạy theo hướng phát huy năng lực tự học, tự tìm hiểu tri thức của người học. Giúp người học phát huy tối đa tính tích cực, chủ động trong học tập, giao tiếp và làm việc nhóm.

Người học học tập thực tế trường tiểu học và viết báo cáo về các hoạt động của giáo viên chủ nhiệm ở tiểu học hiện nay.

30. CƠ SỞ LÝ THUYẾT TOÁN 1 (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở về: Tập hợp, các phép toán trên tập hợp, quan hệ hai ngôi, ánh xạ; Mệnh đề và hàm mệnh đề, các phép toán logic, công thức, quy tắc suy luận, suy luận và chứng minh; Cơ sở lý thuyết xác suất - thống kê. Sinh viên liên hệ được giữa các kiến thức toán dạy cho học sinh Tiểu học với các kiến thức toán cao cấp để giải thích được cơ sở toán học của các hoạt động dạy học.

31. CƠ SỞ LÝ THUYẾT TOÁN 2 (4 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở về: Xây dựng các tập hợp số tự nhiên, số hữu tỷ không âm, số thực; Lý thuyết chia hết trên tập số tự nhiên; Khái niệm đại số, cơ sở đại số ở tiểu học. Vận dụng cơ sở phép toán trên các tập hợp số và cơ sở Đại số để dạy học giải Toán ở Tiểu học.

32. RÈN KĨ NĂNG SỬ DỤNG TIẾNG VIỆT (2 tín chỉ)

Học phần được giảng dạy bằng phương pháp truyền thống như thuyết trình, đàm thoại... kết hợp với các phương pháp dạy học tích cực như làm việc nhóm, giải quyết vấn đề... trang bị cho sinh viên kiến thức và kĩ năng: kĩ năng đọc (đọc đúng, đọc hiểu, đọc diễn cảm); kĩ năng viết chữ và trình bày bảng (viết chữ thường, chữ in thường, chữ hoa; kĩ năng viết chính tả); kĩ năng viết các loại văn bản (văn miêu tả; văn kể chuyện, viết thư, đơn từ, biên bản, báo cáo, lập chương trình hoạt động; kĩ năng nghe; kĩ năng nói; kĩ năng kể chuyện; kĩ năng thuyết trình)

33. TIẾNG VIỆT (4 tín chỉ)

Học phần được giảng dạy bằng phương pháp truyền thống như thuyết trình, đàm thoại... kết hợp với các phương pháp dạy học tích cực như làm việc nhóm, giải quyết vấn đề... trang bị cho sinh viên những kiến thức về ngôn ngữ nói chung và tiếng Việt nói riêng như: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, phong cách học... Sinh viên biết vận dụng các kiến thức, kĩ năng vào dạy Tiếng Việt ở Tiểu học, đồng thời giải quyết được các vấn đề liên quan tới ngôn ngữ trong quá trình dạy Tiếng Việt ở Tiểu học.

34. GD NGHỆ THUẬT Ở TRƯỜNG TH 1 (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kĩ năng cơ bản về cơ sở tạo hình mỹ thuật, nguồn gốc của nghệ thuật. Bước đầu giúp người học cảm thụ, phân tích được những tác phẩm mỹ thuật. Người học được trang bị kĩ năng về xây dựng những hoạt động nghệ thuật liên quan đến mỹ thuật ở trường Tiểu học, biết vận dụng các kiến thức, kĩ năng về mỹ thuật vào dạy học tiểu học và bồi dưỡng năng lực cảm thụ mỹ thuật cho HSTH. Học phần được triển khai giảng dạy theo hướng phát huy năng lực tự học, tự tìm hiểu tri thức của người học.

Người học được tham gia thực hành, tạo ra các sản phẩm mỹ thuật phục vụ dạy học và giáo dục ở trường tiểu học.

35. GD NGHỆ THUẬT Ở TRƯỜNG TH 2 (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp hệ thống các kiến thức cơ bản về Âm nhạc, rèn luyện các kĩ năng nhạc lí cơ bản, đọc và hát các bài nhạc trong chương trình Âm nhạc Tiểu học. Trang bị cho người học hệ thống những kiến thức cơ bản về Cảm thụ Âm nhạc, dàn dựng chương âm nhạc ở trường tiểu học và vận dụng âm nhạc trong giảng dạy các môn, phân môn và các hoạt động giáo dục ở tiểu học. Học phần được triển khai giảng dạy theo hướng phát huy năng lực tự học, tự tìm hiểu tri thức của người học.

Người học tham gia vào quá trình dàn dựng, tổ chức các tiết mục âm nhạc cho học sinh ở trường tiểu học.

36. GD SK VÀ TC Ở TH 1 (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giải phẫu sinh lý trẻ lứa tuổi tiểu học. Từ đó sinh viên biết vận dụng vào việc tổ chức dạy học chủ đề con

người và sức khỏe ở tiểu học, biết nâng cao và phát triển sức khỏe, hình thành thói quen dinh dưỡng và rèn luyện kỹ năng phòng chống tai nạn....

SV thực hành tại môi trường thực tế: Tìm hiểu về đặc điểm sinh lý trẻ lứa tuổi của học sinh tiểu học, tìm hiểu các bệnh, tai nạn thường gặp ở học sinh tiểu học.

37. GD SK VÀ TC Ở TH 2 (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng về hoạt động thể chất, tăng cường sức khỏe. Sinh viên có khả năng hướng dẫn HSTH thực hiện các vận động cơ bản như chạy, nhảy, ném, bắt, nhào lộn, các trò chơi tự do, các hoạt động nhảy múa tập thể, các môn thể thao đồng đội, cá nhân phù hợp với thể chất và năng lực hoạt động của HSTH nhằm tăng cường hệ hô hấp, tim mạch, cơ bắp, sự dẻo dai và linh hoạt cho HSTH.

38. GIÁO DỤC HÒA NHẬP Ở TRƯỜNG TH (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho người học những vấn đề chung về giáo dục hòa nhập cụ thể: khái niệm, quan điểm tiếp cận, xu thế của giáo dục hòa nhập trên thế giới và Việt Nam; các nội dung điều chỉnh và hỗ trợ trong giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật ở tiểu học, và các vấn đề về giáo dục hòa nhập cho học sinh tăng động giảm tập trung, rối loạn phổ tự kỷ và khuyết tật học tập trong trường tiểu học ở Việt Nam. Học phần được triển khai giảng dạy theo hướng phát huy năng lực tự học, tự tìm hiểu tri thức của người học. Học phần được giảng dạy bằng phương pháp truyền thống (thuyết trình, vấn đáp, trực quan...) kết hợp với các phương pháp dạy học tích cực (làm việc nhóm, dự án, giải quyết vấn đề...).

Người học viết báo cáo về thực tế của việc giáo dục học sinh khuyết tật ở trường tiểu học hiện nay.

39. VĂN HỌC (4 tín chỉ)

Học phần được giảng dạy bằng phương pháp truyền thống như thuyết trình, giảng giải kết hợp với các phương pháp dạy học tích cực như làm việc nhóm, giải quyết vấn đề...trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về văn học: Văn học dân gian; văn học viết Việt Nam từ thế kỷ X đến nay; văn học thiếu nhi Việt Nam và nước ngoài; lí luận văn học. Người học biết vận dụng các kiến thức, kỹ năng vào giảng dạy tác phẩm văn học ở Tiểu học.

40. CƠ SỞ TNXH (3 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản về sinh học, vật lý, hóa học, lịch sử, địa lý và về cuộc sống xã hội hiện tại; sinh viên có khả năng vận dụng để dạy các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lý ở Tiểu học.

41. PPDH TIẾNG VIỆT Ở TH 1 (4 tín chỉ)

Học phần được giảng dạy bằng phương pháp truyền thống như thuyết trình, giảng giải kết hợp với các phương pháp dạy học tích cực như làm việc nhóm, giải quyết vấn đề...trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng phương pháp và cách tổ chức hướng dẫn học sinh học Học vần, Tập viết, Chính tả; người học biết cách xây dựng phương án và thiết kế các hoạt động tổ chức dạy học theo hướng tích hợp và phát triển năng lực, trải nghiệm; biết ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức dạy học. Thông qua những hiểu biết này, người học có khả năng phân tích, đánh giá các nội dung liên quan đến quá trình dạy và học môn Tiếng Việt ở Tiểu học; biết vận dụng

kiến thức và kỹ năng để tổ chức dạy học Tiếng Việt cho học sinh tiểu học theo hướng tích hợp và phát triển năng lực, phân hóa đối tượng.

Sinh viên được dự giờ, thực hành giảng dạy một số tiết thuộc phân môn Học văn, Tập viết, Chính tả tại trường tiểu học

42. PPDH TIẾNG VIỆT Ở TH 2 (4 tín chỉ)

Học phần được giảng dạy bằng phương pháp truyền thống như thuyết trình, giảng giải kết hợp với các phương pháp dạy học tích cực như làm việc nhóm, giải quyết vấn đề...trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng phương pháp và cách tổ chức hướng dẫn học sinh học Tập đọc, Luyện từ và câu, Tập làm văn, Kể chuyện; người học biết cách xây dựng phương án và thiết kế các hoạt động tổ chức dạy học theo hướng tích hợp và phát triển năng lực, trải nghiệm; biết ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức dạy học. Thông qua những hiểu biết này, người học có khả năng phân tích, đánh giá các nội dung liên quan đến quá trình dạy và học môn Tiếng Việt ở Tiểu học; biết vận dụng kiến thức và kỹ năng để tổ chức dạy học Tiếng Việt cho học sinh tiểu học theo hướng tích hợp và phát triển năng lực, phân hóa đối tượng.

Sinh viên được dự giờ, thực hành giảng dạy một số tiết thuộc phân môn Tập đọc, Luyện từ và câu, Tập làm văn, Kể chuyện tại trường tiểu học.

43. PPDH TOÁN Ở TH 1 (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên: Mục tiêu, nội dung chương trình môn Toán ở Tiểu học; các PPDH và hình thức tổ chức dạy học môn toán ở Tiểu học theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh; xây dựng kế hoạch dạy học và đánh giá kết quả dạy học môn Toán ở tiểu học theo định hướng phát triển năng lực cho học sinh Tiểu học; phương tiện, đồ dùng dạy học toán ở Tiểu học.

SV được dự giờ 5 tiết dạy học Toán ở trường Tiểu học; được quan sát, thảo luận về phương pháp dạy học, hình thức kiểm tra, đánh giá vận dụng trong các tiết dạy học đó.

44. PPDH TOÁN Ở TH 2 (4 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức: Mục tiêu, nội dung và PPDH những nội dung cụ thể trong chương trình môn Toán ở tiểu học; thực hành vận dụng thành thạo vào dạy học các chủ đề môn toán ở Tiểu học. Một số phương pháp giải toán thường dùng ở Tiểu học; hình thành và rèn kỹ năng giải toán Tiểu học; vận dụng vào dạy học giải toán Tiểu học. Tổ chức hoạt động thực hành và trải nghiệm trong môn toán ở Tiểu học.

SV được dự giờ 10 tiết dạy học Toán ở trường Tiểu học; được thảo luận về quy trình dạy học nội dung cụ thể, hình thức kiểm tra, đánh giá trong các tiết dạy học đó. Sinh viên có thể hỗ trợ giáo viên Tiểu học chuẩn bị đồ dùng, bài giảng điện tử của một số tiết trước khi dự giờ.

45. PPDH TNXH (3 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về: chương trình, sách giáo khoa, sách giáo viên; các phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội, hình thức tổ chức dạy học; làm và sử dụng phương tiện dạy học; đánh giá kết quả học tập của học

sinh. Từ đó SV có năng lực tổ chức dạy học các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở Tiểu học.

SV thực hành tại môi trường thực tế: Làm và sử dụng phương tiện dạy học, thực hiện đánh giá kết quả học tập của học sinh tiểu học trong dạy học các môn TNXH.

46. DẠY HỌC PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC MÔN TNXH Ở TH (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về năng lực và dạy học phát triển năng lực môn TNXH ở tiểu học. Từ đó, SV có khả năng vận dụng tiếp cận phát triển năng lực học sinh trong lựa chọn, triển khai phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh trong dạy học môn TNXH ở TH.

SV thực hành tại môi trường thực tế: Xây dựng kế hoạch bài dạy phát triển năng lực môn TNXH ở tiểu học, thông qua dự giờ và báo cáo chuyên môn để tìm hiểu thực tế về dạy học phát triển năng lực môn TNXH ở Tiểu học.

47. GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC Ở TIỂU HỌC (3 tín chỉ)

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nội dung, phương pháp, phương tiện dạy học, hình thành và phát triển kỹ năng dạy học Đạo đức; giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho học sinh tiểu học. Học phần giúp người học phát huy tối đa tính tích cực, chủ động trong học tập, giao tiếp và làm việc nhóm. Học phần được đánh giá thông qua sự tiến bộ về năng lực học tập, các kết quả làm việc cá nhân, làm việc nhóm, kỹ năng thiết kế và lên lớp tổ chức dạy học các nội dung thực hành của sinh viên.

Người học viết báo cáo về thực tế của việc dạy và học Đạo đức ở trường tiểu học hiện nay.

48.1. ĐỌC HIỂU TÁC PHẨM VĂN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH TIỂU HỌC

(2 tín chỉ)

Học phần được giảng dạy bằng phương pháp truyền thống như thuyết trình, giảng giải kết hợp với các phương pháp dạy học tích cực như làm việc nhóm, giải quyết vấn đề...trang bị cho người học những kiến thức khái quát cơ bản về đọc hiểu tác phẩm văn học ở Tiểu học và hướng dẫn cách xây dựng bài dạy đọc hiểu và cảm thụ tác phẩm văn học ở Tiểu học. Từ đó, sinh viên biết vận dụng các kiến thức, kỹ năng vào dạy các tác phẩm văn học ở Tiểu học.

48.2. DẠY HỌC TIẾNG VIỆT Ở TIỂU HỌC THEO HƯỚNG PHÂN HÓA

(2 tín chỉ)

Học phần được giảng dạy bằng phương pháp truyền thống như thuyết trình, giảng giải kết hợp với các phương pháp dạy học tích cực như làm việc nhóm, giải quyết vấn đề trang bị cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về dạy học phân hóa, đặc điểm của đối tượng phân hóa, nhận diện và phân tích những dấu hiệu bản chất của lớp học phân hóa. Học phần hướng dẫn người học cách phân loại đối tượng và cách tổ chức dạy học trong lớp có nhiều đối tượng (phân hóa), cách đánh giá học sinh trong lớp học có nhiều đối tượng. Học phần hướng dẫn người học cách xây dựng bài tập dành cho các đối tượng học sinh Tiểu học trong một lớp học phân hóa.

48.3. NGŨ NGHĨA – NGŨ DỤNG TRONG DẠY HỌC TIẾNG VIỆT Ở TIỂU HỌC (2 tín chỉ)

Học phần được giảng dạy bằng phương pháp truyền thống như thuyết trình, giảng giải kết hợp với các phương pháp dạy học tích cực như làm việc nhóm, giải quyết vấn đề...trang bị những kiến thức cơ bản về ngữ nghĩa, ngữ dụng học: nghĩa của từ, nghĩa của câu trong ngôn bản, ngôn ngữ trong hoạt động giao tiếp, lập luận, tiền giả định, hàm ngôn và vận dụng các kiến thức về ngữ nghĩa và ngữ dụng vào dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học.

48.4. DẠY HỌC TIẾNG VIỆT Ở TIỂU HỌC THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức lí luận về hoạt động trải nghiệm: khái niệm, mục tiêu hoạt động trải nghiệm, cơ sở khoa học, các hình thức hoạt động trải nghiệm. Học phần giúp sinh viên biết cách sử dụng các hình thức, phương pháp để tổ chức, hướng dẫn các hoạt động trải nghiệm trong dạy học Tiếng Việt ở tiểu học. Người học biết cách thiết kế các hoạt động trải nghiệm trong dạy học Tiếng Việt. Người học biết cách đánh giá các năng lực tham gia hoạt động trải nghiệm của học sinh lứa tuổi Tiểu học.

49.1. CHUYÊN ĐỀ: CÁC BÀI TOÁN SUY LUẬN LOGIC VÀ BÀI TOÁN VUI Ở TIỂU HỌC (2 tín chỉ)

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên khả năng suy luận, lập luận Toán học, kĩ năng vận dụng kiến thức Toán giải quyết một số bài toán suy luận logic đơn giản và các bài toán vui ở bậc Tiểu học. Có ý thức sưu tầm, và tìm hiểu việc ứng dụng toán trong đời sống thực tiễn hàng ngày

49.2. CHUYÊN ĐỀ: PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TƯ DUY TOÁN CHO HỌC SINH TH (2 tín chỉ)

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên: Những vấn đề chung về phát triển khả năng tư duy toán cho học sinh tiểu học; Một số dạng toán nâng cao ở Tiểu học và cách giải; Phương pháp lựa chọn, phân loại và khai thác các bài toán cơ bản phát triển thành các bài toán nâng cao. Có ý thức tìm hiểu các phương pháp phát triển khả năng tư duy toán cho học sinh Tiểu học.

49.3. DẠY HỌC TOÁN Ở TIỂU HỌC THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM (2 tín chỉ)

Thông qua phương pháp dạy học tích cực và việc đánh giá quá trình người học, học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về việc tổ chức hoạt động trải nghiệm, những cơ sở lí luận, cách thức của việc tổ chức hoạt động dạy toán cho học sinh Tiểu học thông qua hoạt động trải nghiệm. Trên cơ sở đó người học hình thành và phát triển kĩ năng tổ chức hoạt động học toán cho học sinh Tiểu học thông qua hoạt động trải nghiệm, đánh giá và so sánh được các ưu thế của việc tổ chức hoạt động trải nghiệm trong việc dạy toán cho học sinh Tiểu học.

50.1. TÍCH HỢP GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG Ở TH (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức về khoa học môi trường và giáo dục môi trường. Xác định được mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục môi trường, từ đó tích hợp và lồng ghép vào dạy học các môn TNXH ở Tiểu học.

SV thực hành tại môi trường thực tế: Tìm hiểu thực trạng các vấn đề ô nhiễm môi trường. Dự giờ ở trường tiểu học để tìm hiểu thực trạng dạy học tích hợp giáo dục môi trường ở tiểu học

50.2. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG ĐỒNG DIỄN Ở TIỂU HỌC (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho người học các nội dung cơ bản và nâng cao của Aerobic. Đồng thời, sinh viên khả năng thực hiện thành thạo một số bài thể dục Aerobic, biên soạn và tổ chức hoạt động thể dục Aerobic cho HS tiểu học.

SV thực hành tại môi trường thực tế: Tìm hiểu thực trạng các vấn đề tổ chức hoạt động đồng diễn ở tiểu học thông qua dự giờ, tìm hiểu các hoạt động giáo dục và thể dục thể thao của nhà trường tiểu học.

50.3. THIẾT KẾ VÀ TỔ CHỨC TRÒ CHƠI VẬN ĐỘNG CHO HSTH (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên các nội dung cơ bản của Trò chơi vận động như: nguồn gốc trò chơi, phân loại trò chơi, một số đặc điểm của trò chơi dành cho học sinh tiểu học, phương pháp tổ chức giảng dạy trò chơi cho học sinh trong các hoạt động ở trường Tiểu học.

SV thực hành tại môi trường thực tế: Tìm hiểu thực trạng các vấn đề tổ chức trò chơi vận động cho học sinh ở tiểu học thông qua dự giờ, tìm hiểu các hoạt động giáo dục và thể dục thể thao của nhà trường tiểu học.

50.4. DẠY HỌC CÁC MÔN TNXH, KH, LS, ĐL Ở TH THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học các môn TNXH. Từ đó, sinh viên có năng lực tổ chức dạy học các môn TNXH theo hướng trải nghiệm nhằm phát triển năng lực cho HS Tiểu học.

51.1. XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP Ở TH (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về trang trí, tổ chức hướng dẫn học sinh tự trang trí trường và lớp học thân thiện nhằm phát huy hiệu quả các góc trang trí đó ở nhà trường tiểu học. Học phần giúp người học phát huy tối đa tính tích cực, chủ động trong học tập, giao tiếp và làm việc nhóm. Học phần được đánh giá thông qua sự tiến bộ về năng lực học tập, các kết quả làm việc cá nhân, làm việc nhóm, kỹ năng thiết kế và trang trí lớp và nhà trường tiểu học.

Người học thực hành trang trí tại các lớp và trường tiểu học.

51.2. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TẠO HÌNH Ở TH (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp kiến thức về đặc điểm ngôn ngữ tạo hình của học sinh tiểu học, các kỹ năng tổ chức hoạt động tạo hình ở trường tiểu học và vận dụng hoạt động tạo hình trong dạy học và giáo dục ở tiểu học. Học phần được triển khai giảng dạy theo hướng phát huy năng lực tự học, tự tìm hiểu tri thức của người học. Giúp người học phát huy tối đa tính tích cực, chủ động trong học tập, giao tiếp và làm việc nhóm.

Người học được tham gia thực hành, tạo ra các sản phẩm tạo hình phục vụ dạy học và giáo dục ở trường tiểu học.

51.3. CÁC PHẦN MỀM CHUYÊN BIỆT PHỤC VỤ DẠY HỌC TH (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng sử dụng một số phần mềm chuyên biệt hỗ trợ dạy học Tiểu học. Học phần giúp người học phát huy tối đa tính tích cực, chủ động trong học tập, giao tiếp và làm việc nhóm. Học phần được đánh giá thông qua sự tiến bộ về năng lực học tập của người học, trải rộng trên tất cả các bài thực hành, các nhiệm vụ tự học và đánh giá sâu về kết quả làm việc cá nhân, làm việc nhóm của người học

51.4. GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC Ở TH THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho người học cơ sở lý luận về hoạt động trải nghiệm: khái niệm, mục tiêu, cơ sở khoa học, các phương pháp và hình thức hoạt động trải nghiệm. Thông qua đó, người học thực hành thiết kế và tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Đạo đức ở tiểu học đồng thời cũng đánh giá các năng lực tham gia hoạt động trải nghiệm của học sinh.

55.2.1. PHƯƠNG PHÁP BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC CẢM THỤ VĂN HỌC CHO HSTH (3 tín chỉ)

Học phần được giảng dạy bằng phương pháp truyền thống như thuyết trình, giảng giải kết hợp với các phương pháp dạy học tích cực như làm việc nhóm, giải quyết vấn đề...trang bị cho những kiến thức cơ bản về quá trình tiếp nhận và cảm thụ văn học; tầm quan trọng của văn học trong đời sống trẻ thơ; làm rõ một số quan niệm về sáng tạo trong tiếp nhận, cảm thụ văn học và sáng tạo trong sáng tác văn học; phân tích được đặc điểm tâm lý tiếp nhận văn bản nghệ thuật của học sinh lứa tuổi tiểu học. Học phần hướng dẫn người học cách tổ chức, hướng dẫn học sinh tiểu học tiếp nhận, cảm thụ văn học; hướng dẫn người học cách lựa chọn ngữ liệu và kỹ thuật xây dựng bài tập cảm thụ văn học; cách tạo lập văn bản cảm thụ văn học; cách đánh giá năng lực cảm thụ văn học của học sinh tiểu học.

DẠY HỌC TIẾNG VIỆT Ở TH THEO QUAN ĐIỂM GIAO TIẾP (2 tín chỉ)

Học phần được giảng dạy bằng phương pháp truyền thống như thuyết trình, giảng giải kết hợp với các phương pháp dạy học tích cực như làm việc nhóm, giải quyết vấn đề những kiến thức lý luận và kỹ năng cơ bản về giao tiếp, quy tắc giao tiếp, quy tắc hội thoại, cơ sở khoa học dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp, các nguyên tắc dạy học tiếng Việt, nội dung dạy học tiếng Việt, các hình thức tổ chức lớp học, các phương pháp được sử dụng trong dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp. Sinh viên biết vận dụng kiến thức và kỹ năng để tổ chức dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp.

55.2.2. DẠY HỌC TOÁN Ở TH THEO HƯỚNG PHÂN HÓA (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những cơ sở lý luận về dạy học phân hóa: tư tưởng của dạy học phân hóa, vai trò của dạy học phân hóa trong dạy học môn toán ở Tiểu học, kỹ năng lựa chọn và thiết kế bổ sung bài tập toán cho phù hợp với đối tượng học sinh Tiểu học. Dựa trên việc vận dụng các kiến thức cơ sở, tổ chức tốt các giờ dạy Toán trong các lớp học của Tiểu học phù hợp với nhiều trình độ nhận thức khác nhau.

DAY HỌC PHÁT HIỆN VÀ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ TRONG MÔN TOÁN Ở TH (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên cơ sở khoa học, bản chất, quy trình thực hiện và những ưu, nhược điểm của một số phương pháp dạy học toán chuyên sâu như: Dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề, dạy học kiến tạo; Rèn kỹ năng xử lý các tình huống sư phạm khi dạy học các mạch kiến thức môn toán ở Tiểu học.

55.2.3. DẠY HỌC TÍCH HỢP MÔN TNXH Ở TIỂU HỌC (3 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức, kỹ năng về dạy học tích hợp; phương pháp, hình thức tổ chức dạy học tích hợp các môn Tự nhiên - Xã hội, Khoa học, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục môi trường trong dạy học Tiểu học. Từ đó, sinh viên có năng lực dạy học tích hợp các môn về KHTN và KHXH theo định hướng phát triển năng lực HS ở Tiểu học.

SV thực hành tại môi trường thực tế: Xây dựng kế hoạch bài dạy tích hợp môn TNXH ở tiểu học, dự giờ và báo cáo chuyên môn để tìm hiểu thực tế về dạy học tích hợp môn TNXH ở Tiểu học.

DẠY HỌC LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ ĐỊA PHƯƠNG Ở TH (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức về Lịch sử - Địa lí các tỉnh, thành phố trên toàn đất nước Việt Nam. Sinh viên có năng lực tìm hiểu thực tế để củng cố và khắc sâu kiến thức về Lịch sử - Địa lí các địa phương đó nhằm vận dụng vào dạy học môn Lịch sử và Địa lí lớp 4, 5 ở Tiểu học.

SV thực hành tại môi trường thực tế: Đi tìm hiểu thực thể, viết bài thu hoạch về di tích lịch sử, văn hóa, làng nghề, đường phố, danh lam thắng cảnh Hà Nội phục vụ dạy học lịch sử, địa lí đại phương ở Tiểu học.

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Văn Quân